

HOÃN, TẠM ĐÌNH CHỈ, ĐÌNH CHỈ VÀ TRẢ LẠI ĐƠN YÊU CẦU THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

THS. NGUYỄN THỊ THU HÀ *

Trong quá trình thi hành án dân sự có thể gặp những trở ngại khách quan dẫn đến việc thi hành án chưa thể thực hiện được, tạm thời bị gián đoạn, không thể thi hành án tiếp được hoặc không thể thi hành án được. Vì vậy, cơ quan thi hành án phải ra các quyết định hoãn thi hành án, tạm đình chỉ thi hành án, đình chỉ thi hành án hoặc trả lại đơn yêu cầu thi hành án. Qua nghiên cứu các quy định của Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 2004 (PLTHADS năm 2004) chúng tôi có một số ý kiến trao đổi về hoãn, tạm đình chỉ, đình chỉ và trả lại đơn yêu cầu thi hành án dân sự.

1. Hoãn thi hành án

Theo Từ điển tiếng Việt “hoãn” là *“chuyển thời điểm đã định để làm việc gì đó sang thời điểm khác muộn hơn”*;⁽¹⁾ “tạm” là *“làm việc gì đó ngừng lại trong một thời gian, khi có điều kiện sẽ thay đổi”*.⁽²⁾ Trong khoa học pháp lý, *“hoãn thi hành án là chuyển thời điểm thi hành bản án, quyết định dân sự đã định sang thời điểm khác muộn hơn”*;⁽³⁾ *“tạm đình chỉ thi hành án là tạm thời ngừng việc thi hành bản án, quyết định dân sự đang được thi hành”*.⁽⁴⁾ Như vậy, hoãn thi hành án khác với tạm đình chỉ thi hành án ở chỗ hoãn thi hành án là việc cơ quan thi hành án quyết định chưa cho thi hành bản án, quyết định dân sự. Trong trường hợp này cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành

án nhưng chưa tổ chức thi hành mà chuyển thời điểm thi hành bản án, quyết định dân sự đã định sang thời điểm khác muộn hơn, còn tạm đình chỉ thi hành án là việc cơ quan thi hành án tạm thời cho dừng việc thi hành bản án, quyết định dân sự đang được cơ quan thi hành án tổ chức thi hành. Do đó, hoãn thi hành án và tạm đình chỉ thi hành án chỉ khác nhau ở thời điểm cho thi hành bản án, quyết định dân sự. Cùng là một căn cứ pháp lý nhưng nếu xuất hiện ở thời điểm cơ quan thi hành án chưa thi hành án, chưa tổ chức việc cưỡng chế thi hành án thì cơ quan thi hành án ra quyết định hoãn thi hành án, còn nếu xuất hiện ở thời điểm bản án, quyết định đã thi hành được một phần hoặc cơ quan thi hành án đã ra quyết định cưỡng chế thì cơ quan thi hành án ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án. Điều này đã được quy định tại khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 25 Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993. Không hiểu vì lý do gì, dựa trên cơ sở nào mà PLTHADS năm 2004 không tiếp tục kế thừa những quy định này của Pháp lệnh thi hành án dân sự năm 1993, bởi nó hoàn toàn phù hợp với bản chất, đặc điểm của việc hoãn thi hành án và tạm đình chỉ thi hành án. Vì vậy, chúng tôi

* Giảng viên Khoa luật dân sự
Trường Đại học Luật Hà Nội

kiến nghị nên bổ sung vào Điều 27 PLTHADS năm 2004 các căn cứ quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 26 và chuyển quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 26 sang Điều 27 PLTHADS năm 2004.

Theo điểm c khoản 1 Điều 26 PLTHADS năm 2004 thì thủ trưởng cơ quan thi hành án có quyền ra quyết định hoãn thi hành án trong trường hợp người phải thi hành các khoản nộp ngân sách nhà nước không có tài sản hoặc có tài sản nhưng giá trị tài sản đó không đủ chi phí cưỡng chế thi hành án hoặc có tài sản nhưng tài sản thuộc loại không được kê biên. Như vậy, khi người phải thi hành án không có tài sản để thi hành án thì việc thi hành án phải tạm thời ngừng lại và khi nào người phải thi hành án có tài sản để thi hành án thì việc thi hành án lại được tiếp tục. Vậy tại sao không quy định đây là căn cứ tạm đình chỉ thi hành án mà lại quy định là căn cứ hoãn thi hành án. Ngoài ra, theo khoản 1 Điều 14 Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ quy định về thủ tục cưỡng chế và xử phạt vi phạm hành chính trong thi hành án dân sự thì thời hạn hoãn thi hành án trong trường hợp này là không quá 90 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn. Việc quy định thời hạn hoãn thi hành án như vậy cũng không hợp lý bởi lẽ nếu hết thời hạn 90 ngày kể từ ngày ra quyết định hoãn thì thủ trưởng cơ quan thi hành án phải ra quyết định tiếp tục thi hành án nhưng nếu người phải thi hành án vẫn không có tài sản để thi hành án thì cơ quan thi hành án giải quyết như thế nào? Thủ trưởng cơ quan thi hành án lại tiếp tục ra quyết định hoãn thi hành án sao? Và việc ra

quyết định hoãn thi hành án và quyết định tiếp tục thi hành án đến bao giờ dừng lại? Khoản 4 Điều 14 PLTHADS năm 2004, khoản 1 Điều 8 Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ quy định khi tổ chức thi hành án thì cơ quan thi hành án phải có trách nhiệm xác minh điều kiện thi hành của người phải thi hành án, phải xác minh khi nào người phải thi hành án có điều kiện để thi hành án và khi phát hiện người phải thi hành án có điều kiện để thi hành án thì cơ quan thi hành án lại tiếp tục thi hành án. Do đó, trường hợp này không nên quy định thời hạn hoãn thi hành án mà chỉ nên quy định khi điều kiện hoãn thi hành án không còn thì thủ trưởng cơ quan thi hành án ra quyết định tiếp tục thi hành án.

Theo điểm d khoản 1 Điều 26 PLTHADS năm 2004 thì phải hoãn thi hành án trong trường hợp có tranh chấp về tài sản kê biên mà đang được toà án thụ lý, giải quyết. Tuy nhiên, đây cũng không phải là căn cứ của hoãn thi hành án vì như phân tích ở trên, hoãn thi hành án chỉ trong trường hợp bản án, quyết định dân sự chưa được đưa ra thi hành, cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành án nhưng chưa tổ chức cưỡng chế thi hành án và chưa thi hành được khoản nào còn đây là trường hợp cơ quan thi hành án đang cho thi hành bản án, quyết định dân sự và khi tiến hành kê biên tài sản thì gặp phải sự tranh chấp về tài sản kê biên đang được toà án thụ lý, giải quyết dẫn đến việc thi hành án phải tạm thời ngừng lại. Do đó, đây phải là căn cứ tạm đình chỉ thi hành án. Và như vậy Điều 27 PLTHADS năm 2004 cần bổ sung thêm:

“Người có thẩm quyền ra quyết định thi hành án có quyền tạm đình chỉ thi hành án trong những trường hợp sau đây:

a. Khi có căn cứ được quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 26 của Pháp lệnh này;

b. Người phải thi hành án không có điều kiện, khả năng để thi hành án. Khi lí do tạm đình chỉ thi hành án không còn thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án ra quyết định tiếp tục thi hành án;

c. Tài sản kê biên có tranh chấp đang được toà án thụ lí, giải quyết...”.

2. Tạm đình chỉ thi hành án

Khoản 2 Điều 27 PLTHADS năm 2004 quy định: “*Người đã kháng nghị bản án, quyết định theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm có quyền quyết định tạm đình chỉ việc thi hành bản án, quyết định đó. Thời hạn tạm đình chỉ thi hành án không quá 6 tháng, kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án...*”. Theo chúng tôi, thời hạn tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của PLTHADS cần phải được quy định lại vì nó mâu thuẫn với thời hạn mở phiên toà giám đốc thẩm, tái thẩm quy định tại Điều 293, Điều 302, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Theo Điều 293 BLTTDS thì thời hạn mở phiên tòa giám đốc thẩm, tái thẩm là 4 tháng kể từ ngày nhận được kháng nghị. Điều 302 BLTTDS quy định quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm có hiệu lực pháp luật ngay, trong khi đó khoản 2 Điều 27 PLTHADS năm 2004 lại quy định thời hạn tạm đình chỉ thi hành án là không quá 6 tháng, kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án. Như vậy, khi đã có quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm rồi mà vẫn còn tạm đình chỉ bản án,

quyết định bị kháng nghị là không hợp lí.

Vì vậy, để khắc phục mâu thuẫn trên, khoản 2 Điều 27 PLTHADS năm 2004 nên sửa lại theo hướng: “Người đã kháng nghị bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm có quyền ra quyết định tạm đình chỉ thi hành bản án, quyết định đó. Thời hạn tạm đình chỉ không quá 4 tháng, kể từ ngày ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án. Hết thời hạn tạm đình chỉ thi hành án mà cơ quan thi hành án chưa nhận được quyết định giám đốc thẩm hoặc tái thẩm, thì thủ trưởng cơ quan thi hành án ra quyết định tiếp tục thi hành án...”.

Ngoài ra, Điều 27 PLTHADS năm 2004 chỉ quy định có hai trường hợp dẫn đến tạm đình chỉ thi hành án. Chúng tôi cho rằng quy định như vậy là chưa đầy đủ mà phải bổ sung một số căn cứ tạm đình chỉ thi hành án như trên đã kiến nghị.

3. Đình chỉ thi hành án

Điều 28 PLTHADS năm 2004 mới chỉ quy định các căn cứ dẫn đến đình chỉ thi hành án nhưng lại chưa quy định về hậu quả pháp lí của việc đình chỉ thi hành án. Theo Từ điển tiếng Việt “đình chỉ” là “*ngừng lại hoặc làm cho phải ngừng lại trong một thời gian hoặc vĩnh viễn*”⁽⁵⁾ Trong khoa học pháp lí, “đình chỉ thi hành án” là “*ngừng việc thi hành bản án, quyết định dân sự*”⁽⁶⁾ Như vậy, khi cơ quan thi hành án ra quyết định đình chỉ thi hành án thì hoạt động thi hành án cũng đương nhiên chấm dứt, bản án, quyết định sẽ không được đưa ra thi hành nữa, các bên đương sự cũng chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ của họ đã tuyên trong bản án, quyết định kể cả nghĩa vụ đối với Nhà nước. Khi

có quyết định đình chỉ thi hành án thì đương sự không có quyền yêu cầu thi hành án nữa trừ trường hợp người phải thi hành án bị tòa án ra quyết định mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp. Theo quy định của Luật phá sản sau khi tòa án ra quyết định mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản, doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản sẽ phải tiến hành thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh hoặc thủ tục thanh lý tài sản. Khi thẩm phán ra quyết định đình chỉ thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản, việc thi hành án dân sự bị đình chỉ theo quy định tại Điều 57 Luật phá sản chưa được thi hành sẽ được tiếp tục thực hiện. Do đó, chúng tôi kiến nghị bổ sung vào Điều 28 PLTHADS năm 2004 quy định về hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thi hành án như sau: “1. Khi có quyết định đình chỉ thi hành án thì đương sự không có quyền yêu cầu thi hành án nữa trừ trường hợp được quy định tại khoản 5 Điều 28 Pháp lệnh này và các trường hợp pháp luật có quy định khác. 2. Khi có quyết định đình chỉ thi hành án, cơ quan thi hành án xóa tên việc thi hành án trong sổ thụ lý việc thi hành án dân sự. 3. Trong trường hợp thi hành án theo đơn yêu cầu thi khoản lệ phí mà người được thi hành án đã nộp được sung vào công quỹ nhà nước”.

4. Trả lại đơn yêu cầu thi hành án

Điều 29 PLTHADS năm 2004 quy định: *“Thủ trưởng cơ quan thi hành án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án có quyền trả lại đơn yêu cầu thi hành án và bản án, quyết định cho người được thi hành án trong*

trường hợp có quyết định đình chỉ việc thi hành án hoặc có căn cứ xác định người phải thi hành án không có tài sản để thi hành án. Khi người phải thi hành án có điều kiện thi hành thì người được thi hành án có quyền yêu cầu thi hành bản án, quyết định trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 25 Pháp lệnh này, kể từ ngày có điều kiện thi hành”. Về quy định này chúng tôi có một số ý kiến như sau:

Thứ nhất, đối với trường hợp trả lại đơn yêu cầu thi hành án khi đã có quyết định đình chỉ thi hành án theo chúng tôi là không cần thiết vì như trên đã phân tích hậu quả pháp lý của việc đình chỉ thi hành án là cơ quan thi hành án sẽ chấm dứt việc thi hành bản án, quyết định dân sự, đương sự không có quyền yêu cầu thi hành án nữa nên không nhất thiết phải trả lại đơn yêu cầu thi hành án. Thực chất việc quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án chỉ làm rối rắm thêm quá trình thi hành án chứ không có tác dụng đối với việc thi hành án. Vì vậy, theo chúng tôi nên bỏ căn cứ trả lại đơn yêu cầu thi hành án trong trường hợp có quyết định đình chỉ thi hành án.

Thứ hai, như đã phân tích ở phần hoãn thi hành án, nếu người phải thi hành án không có điều kiện, khả năng để thi hành án thì việc thi hành án phải tạm thời bị gián đoạn. Do đó, đây không phải là căn cứ trả lại đơn yêu cầu thi hành án mà là căn cứ tạm đình chỉ thi hành án. Mặt khác, nếu quy định là căn cứ trả lại đơn yêu cầu thi hành án thì sau khi phát hiện người phải thi hành án có tài sản, khả năng thi hành án thì người được thi hành án có quyền nộp lại đơn yêu cầu thi hành án. Nhưng cơ quan thi hành án nào sẽ tiếp nhận đơn yêu cầu thi hành án trở lại, đây

là vấn đề gặp rất nhiều vướng mắc trong thực tế. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị chuyển căn cứ trả lại đơn yêu cầu thi hành án do người phải thi hành án không có điều kiện, khả năng để thi hành án sang Điều 27 PLTHADS năm 2004.

Thứ ba. Theo quy định tại khoản 8 Điều 28 PLTHADS năm 2004 thì thủ trưởng cơ quan thi hành án ra quyết định đình chỉ thi hành án khi thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết. Ngoài ra, Điều 9 Nghị định số 173/2004/NĐ-CP ngày 30/9/2004 của Chính phủ quy định nếu có căn cứ xác định đơn yêu cầu thi hành án đã hết thời hiệu thì thủ trưởng cơ quan thi hành án ra quyết định không chấp nhận yêu cầu thi hành án quá hạn. Như vậy, cùng là căn cứ thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết nhưng nếu trong trường hợp khi cơ quan thi hành án nhận được đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án và chưa ra quyết định thi hành án mà phát hiện thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết thì thủ trưởng cơ quan thi hành án ra quyết định không chấp nhận yêu cầu thi hành án quá hạn, còn khi thủ trưởng cơ quan thi hành án đã ra quyết định thi hành án rồi mới phát hiện thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết thì thủ trưởng cơ quan thi hành án ra quyết định đình chỉ thi hành án. Chúng tôi cho rằng khi thủ trưởng cơ quan thi hành án chưa ra quyết định thi hành án mà phát hiện thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết thì ra quyết định trả lại đơn yêu cầu thi hành án thì hợp lý hơn là ra quyết định không chấp nhận yêu cầu thi hành án quá hạn bởi lẽ theo khoản 3 Điều 25 PLTHADS năm 2004 thì trong trường hợp không có căn cứ khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án

thì thủ trưởng cơ quan thi hành án ra quyết định không chấp nhận yêu cầu thi hành án quá hạn. Việc khôi phục thời hiệu yêu cầu thi hành án trong trường hợp này là do người yêu cầu thi hành án chứng minh được do trở ngại khách quan hoặc do sự kiện bất khả kháng mà không thể yêu cầu thi hành án đúng thời hạn. Do đó, nếu ra quyết định không chấp nhận yêu cầu thi hành án quá hạn khi phát hiện thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết làm cho người ta lầm tưởng rằng việc ra quyết định không chấp nhận yêu cầu thi hành án quá hạn trong trường hợp này là do người yêu cầu thi hành án không có đủ căn cứ để chứng minh mình gặp phải trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng chứ không phải do thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị bổ sung vào Điều 29 PLTHADS năm 2004 như sau: “Người có thẩm quyền ra quyết định thi hành án có quyền trả lại đơn yêu cầu thi hành án cho người được thi hành án, người phải thi hành án trong trường hợp thời hiệu yêu cầu thi hành án đã hết”. Tuy nhiên, trường hợp này cần phải hiểu là khi thủ trưởng cơ quan thi hành án chưa ra quyết định thi hành án, còn nếu đã ra quyết định thi hành án rồi thì phải căn cứ vào khoản 8 Điều 28 PLTHADS năm 2004 để ra quyết định đình chỉ thi hành án./.

- (1).Xem: Viện ngôn ngữ học, Từ điển tiếng Việt, Nxb. Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, 2006, tr. 450.
- (2).Xem: Từ điển tiếng Việt, Sdd., Nxb. Đà Nẵng, tr.887.
- (3).Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, Từ điển giải thích thuật ngữ luật học, Nxb. Công an nhân dân, 1999, tr. 197.
- (4).Xem: Từ điển giải thích thuật ngữ luật học, Sdd., tr.229.
- (5).Xem: Từ điển tiếng Việt, Sdd, tr. 324.
- (6).Xem: Từ điển giải thích thuật ngữ luật học, Sdd., tr.189.